

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 6 – 2022

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Liệt.

Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thông là Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1985.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ cư trú: Số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Anh Huỳnh Văn S có mặt, chị Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI D V U ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Văn S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn S và chị Nguyễn Thị D kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 03/6/2009. Hôn nhân giữa anh S và chị D được xây dựng trên cơ sở mai mối và kết hôn.

Thời gian đầu anh S, chị D chung sống hạnh phúc. Cuối năm 2021 anh S, chị D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong sinh hoạt, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ năm 2019 khi chị Nguyễn Thị D bắt đầu tham gia tệ nạn xã hội (chơi số đề) gây ra nợ nần, anh S có nhiều lần đứng ra vay nợ để trả tiền nợ thay cho chị D. Hàng ngày chị D không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ bê chồng con. Chị D hay lừa gạt anh S và gia đình về mục đích vay tiền để sử dụng vào việc chơi số đề, thường hay sử dụng tiền sinh hoạt gia đình vào mục đích chơi số đề. Trong công việc làm ăn kinh tế gia đình chị D cũng không quan tâm, khi xảy ra mâu thuẫn chị D hay dùng lời lẽ hù dọa dùng dao đâm anh S, làm cho bản thân anh S bất an. Nhiều lần anh S có khuyên ngăn nhưng chị D không từ bỏ. Chị D đã hứa khắc phục không tham gia vào tệ nạn xã hội (chơi số đề) nhiều lần nhưng không được. Anh S, chị D bắt đầu sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân anh, chị có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Nay anh Huỳnh Văn S yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

- *Về con chung*: Anh S và chị D có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Ái M, sinh ngày 29/9/2009, Huỳnh Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 15/11/2012 (Hiện đang sống chung với anh S). Sau khi ly hôn anh Huỳnh Văn S yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Nguyễn Thị D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị D thống nhất, chị D và anh S kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 03/6/2009. Hôn nhân giữa chị D và anh S được xây dựng trên cơ sở mai mối và kết hôn.

Thời gian đầu chị D và anh S chung sống hạnh phúc. Cuối năm 2021, chị D và anh S phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong sinh hoạt, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị D thừa nhận nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn gia đình là do bản thân chị D chơi bời (chơi số đề), gây ra nợ nần nhiều nơi dẫn đến áp lực trong cuộc sống hàng ngày. Chị D và anh S không còn chung sống hạnh phúc như trước, bắt đầu sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân chị D và anh S có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị D, anh S vẫn còn và có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

Chị Nguyễn Thị D không thống nhất ly hôn với anh Huỳnh Văn S.

- *Về con chung*: Chị D thống nhất, chị D và anh S có 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Ái M, sinh ngày 29/9/2009, Huỳnh Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 15/11/2012 (hiện đang sống chung với anh S). Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là Huỳnh Nguyễn Ái M, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị D thống nhất giao con chung tên Huỳnh Nguyễn Ngọc V cho anh Huỳnh Văn S được tiếp tục nuôi dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn S. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Ái M, sinh ngày 29/9/2009 và Huỳnh Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 15/11/2012 cho anh Huỳnh Văn S được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh S không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Căn cước công dân và Sổ hộ khẩu của anh Huỳnh Văn S (Bản sao); Căn cước công dân của chị Nguyễn Thị D (Bản sao); Giấy khai sinh của Huỳnh Nguyễn Ái M (Bản sao); Giấy khai sinh của Huỳnh Nguyễn Ngọc V (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính); Biên bản lấy lời khai của anh Huỳnh Văn S (Bản chính); Biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị D (Bản chính), Bản khai của cháu Huỳnh Nguyễn Ái M (Bản chính), Bản khai của cháu Huỳnh Nguyễn Ngọc V (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn S và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị D cư trú tại số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn S yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

Xét thấy, trong quá trình chung sống anh S, chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong sinh hoạt, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ năm 2019 khi chị Nguyễn Thị D bắt đầu tham gia tệ nạn xã hội (chơi số đề) gây ra nợ nần. Anh S có nhiều lần đứng ra vay nợ để trả tiền nợ thay cho chị D. Hàng ngày chị D không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ bê chồng con. Chị D hay lừa gạt anh S và gia đình về mục đích vay tiền để sử dụng vào việc chơi số đề, thường hay sử dụng tiền sinh hoạt gia đình vào mục đích chơi số đề. Trong công việc làm ăn kinh tế gia đình chị D cũng không quan tâm, khi xảy ra mâu thuẫn chị D hay dùng lời lẽ hù dọa dùng dao đâm anh S làm cho bản thân anh S bất an. Nhiều lần anh S có khuyên ngăn nhưng chị D không từ bỏ. Chị D đã hứa khắc phục nhiều lần (không chơi số đề) nhưng không được. Anh S, chị D bắt đầu sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân anh, chị có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hiện nay, anh S xác định không còn tình cảm với chị D. Như vậy, hôn nhân giữa anh S và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, anh Huỳnh Văn S yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị D là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Nguyễn Ái M, sinh ngày 29/9/2009, Huỳnh Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 15/11/2012, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị D yêu cầu được nuôi con chung là Huỳnh Nguyễn Ái M, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D thống nhất giao con chung tên Huỳnh Nguyễn Ngọc V cho anh Huỳnh Văn S được tiếp tục nuôi dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, kể từ khi anh S và chị D ly thân từ đầu năm 2022 đến nay anh S là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu M và cháu V. Anh S xác định, anh S có công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu M và cháu V. Hàng ngày chị D không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ bê chồng con. Chị D cũng không chứng minh được công việc ổn định, thu nhập có đảm cuộc sống cho chị và cháu M không. Mặt khác, tại các Bản khai ngày 10/3/2022, ngày 13/5/2022 cháu M và cháu V đều có nguyện vọng sống chung với anh S. Cho nên, anh S nuôi dưỡng cháu M và cháu V sẽ đảm bảo cho các cháu phát triển toàn diện cả về vật chất và tinh thần. Do đó, giao cháu Huỳnh Nguyễn Ái M, sinh ngày 29/9/2009 và cháu Huỳnh Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 15/11/2012 cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Huỳnh Văn S không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh S và chị D xác định là tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh S và chị D xác định là tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5] Xét ý kiến của chị Nguyễn Thị D là chị D không thống nhất ly hôn với anh Huỳnh Văn S; chị D yêu cầu nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Ái M, sinh ngày 29/9/2009, chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, như phân phân tích nêu trên, ý kiến của chị Nguyễn Thị D là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh Huỳnh Văn S phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn S.

- Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn S được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Ái M, sinh ngày 29/9/2009 và Huỳnh Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 15/11/2012 cho anh Huỳnh Văn S được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu M và cháu V thành niên và có khả năng lao động. Chị Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Huỳnh Văn S không yêu cầu.

Anh S và chị D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Huỳnh Văn S không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Huỳnh Văn S và chị Nguyễn Thị D tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Huỳnh Văn S và chị Nguyễn Thị D tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Huỳnh Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001419 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Anh Huỳnh Văn S đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Trung